TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 59 /2022/HS-ST Ngày: 04-3-2022	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Mầm và ông Trương Vĩnh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Viết Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2022/TLST - HS, ngày 25 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐ – HPT ngày 25 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: **Phạm T**; Tên gọi khác: B N; Giới tính: Nam; Sinh ngày 27 tháng 4 năm 1998; Tại: tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: 107/3 đường V, tổ dân phố 8, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12.

Con ông: Phạm Ngọc Th, sinh năm: 1968; Con bà: Phạm Thị N, sinh năm: 1975; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Không; Tiền án: 01.

Tiền án: Ngày 07/7/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án số 190/2020/HSST. Ngày 09/5/2021 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 08/02/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng, ngày 26/7/2019 chấp hành xong biện pháp xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột, từ ngày 20/11/2021, cho đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn Th**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 21 tháng 4 năm 1999; Tại: tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 2, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12.

Con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm: 1972; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1974; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Không; Tiền án: 01.

Tiền án: Ngày 07/7/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án số 190/2020/HSST. Ngày 27/5/2021 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 08/02/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 14 tháng, ngày 26/3/2019 chấp hành xong biện pháp xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột, từ ngày 17/11/2021, cho đến nay. Có mặt.

***Bị hại*:**

1.Ông Bùi Văn Ng, sinh năm: 1959 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã E, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Võ Ngọc A, sinh năm: 1957 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 61/17 đường L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Hẻm 41 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

2. Anh Mai Xuân B, sinh ngày 04/4/2004; địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

3. Anh Niê Y C, sinh năm: 1989; địa chỉ: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

4. Ông Phạm Anh D; sinh năm: 1988; Địa chỉ: 118 Liên gia 4, TDP 5, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm T và Nguyễn Văn Th là người đã có tiền án, về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích.

Khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 28/10/2021, Phạm T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen, biển số: 47B1-96822 chở Nguyễn Văn Th đi trên các

tuyến đường thuộc phường E, thành phố B, để tìm tài sản của người dân sơ hở thì trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà ông Võ Ngọc A, địa chỉ: 61/17 đường L, phường E, thành phố B, thì phát hiện trong sân nhà ông A có nhiều cây cau đang có trái nên T trèo qua hàng rào nhà ông A, còn Th đứng bên ngoài cảnh giới. T dùng 01 con dao kích thước (23 x 02)cm lén lút cắt trộm 02 buồng cau rồi đưa ra ngoài cho Th. Sau khi cắt xong, T trèo ra ngoài thì phát hiện lực lượng Công an phường E, thành phố B đi tuần tra, do sợ bị phát hiện nên T và Th cất giấu 02 buồng cau vào bụi cây ven đường. Công an Phường E nghi ngờ T và Th trộm cắp tài sản nên đã đưa về làm việc. Quá trình làm việc, T và Th khai đã thực hiện vụ trộm cắp cau của ông Võ Ngọc A và đưa đi chỉ nơi cất giấu nhưng chỉ thu giữ được 01 buồng cau, trọng lượng 03Kg, buồng còn lại đã bị mất. Công an phường E tạm giữ 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen, biển số: 47B1 – 96822, số máy: JA36E0501719, số khung: RLHJA3652GY027590, mà T chở Th đi trộm cắp, để phục vụ công tác điều tra.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản, số: 215/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 03 Kg cau tươi, trị giá: 210.000 đồng.

Ngoài ra, tại Cơ quan điều tra Phạm T và Nguyễn Văn Th còn khai nhận nhận T và Th còn thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 23/8/2021, Nguyễn Văn Th điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 47B2 – 20343 chở Phạm T đi trên các tuyến đường xã E, thành phố Buôn Ma Thuột, tìm kiếm tài sản của người dân để sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến nhà ông Bùi Văn Ng, ở tại Thôn C, xã E, thành phố B thì phát hiện phía trước nhà của ông Bùi Văn Ng có nhiều cây cau đang có trái nên T đứng cảnh giới, còn Th dùng 01 con dao (loại dao Thái Lan) chuẩn bị sẵn từ trước trèo lên lén lút cắt trộm 07 buồng cau, đưa ra ngoài cho T bỏ lên xe mô tô rồi cùng nhau tẩu thoát. Sau đó, Th và T điều khiển xe mô tô chở 07 buồng cau trộm cắp được đi đến địa chỉ: 26 đường N, phường T, thành phố B bán cho anh Nguyễn Hồng Q, 07 buồng cau có trọng lượng 30 Kg với số tiền 2.100.000 đồng. Sau khi mua 07 buồng cau anh Q đã bán lại cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch).

Tại Kết luận định giá tài sản, số: 215/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 30 Kg cau tươi, trị giá: 2.400.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 57/CT-VKS-HS ngày 24/01/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Phạm T và Nguyễn Văn Th về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột sau khi phân tích đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng,

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự tuyên bố các bị cáo Phạm T và Nguyễn Văn Th phạm tội: " Trộm cắp tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự, đề nghị

Xử phạt: Bị cáo Phạm T và Nguyễn Văn Th mỗi bị cáo mức án: Từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Đối với 01 Buồng cau, trọng lượng 03Kg, là tài sản của ông Võ Ngọc A. Ngày 15/01/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho ông Võ Ngọc A.

- Đối với 01 con dao Thái Lan, kích thước (23 x 02)cm, là công cụ Phạm T sử dụng phạm tội, không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen, biển số: 47B1 – 96822, số máy: JA36E0501719, số khung: RLHJA3652GY027590. Vào tháng 11/2019, thông qua mạng xã hội Facebook, anh Mai Xuân B mua lại chiếc xe mô tô 47B1 – 96822 từ 01 người (Chưa xác định lai lịch) tại huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vào ngày 27/10/2021, anh B nhờ Mai Thế A (anh ruột) đem cầm cố cho Phạm T, với số tiền 2.700.000 đồng. T sử dụng chiếc xe mô tô 47B1 – 96822 để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì bị phát hiện. Quá trình điều tra xác định:

+ Biển số 47B1 – 96822 là của xe mô tô hiệu Yamha Exciter, màu sơn trắng đỏ, số máy: G3D4E190224, số khung: RLCUG0610FY177350 do anh Nguyễn Quang Huy, sinh năm: 1996, trú tại: 83B đường S, tổ dân phố 9, phường E, thành phố B, đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Vào cuối năm 2016, anh Huy làm rơi mất biển số 47B1 – 96822 trong quá trình lưu thông trên đường. Sau đó, anh H đã làm thủ tục cấp lại biển số 47B1 – 96822 và gắn trên xe mô tô của anh H để sử dụng. Do vậy biển số 47B1 – 96822 không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen, số máy: JA36E0501719, số khung: RLHJA3652GY027590 là do anh Niê Y C, sinh năm: 1989, trú tại: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Chiếc xe trên có biển số 47K1 – 23673. Quá trình làm việc, anh Niê Y C khai tháng 02/2018, anh Y C điều khiển chiếc xe mô tô 47K1 – 23673 đến rẫy tại Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì bị mất trộm. Cơ quan điều tra đã có Công văn đề nghị phối hợp xác minh đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhưng đến nay chưa có kết quả phúc đáp nên Cơ quan điều tra tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh xử lý sau.

Về dân sự: Đối với số tiền 2.700.000 đồng anh Mai Xuân B tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra để bồi thường cho Phạm T (số tiền Phạm T nhận cầm cố chiếc xe mô tô 47B1-96822). Do vậy cần trao trả cho Phạm T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

-Đối với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 47B2 – 20343, số máy: E3X9E141470, số khung: 3240HY055267, quá trình điều tra xác định, là tài sản của anh Phạm Anh D (Là anh rể của Nguyễn Văn Th). Ngày 15/01/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh Phạm Anh D nhận quản lý, sử dụng.

Về dân sự: Ông Bùi Văn Ng yêu cầu Phạm T và Nguyễn Văn Th bồi thường số tiền 2.400.000 đồng, trị giá 07 buồng cau, trọng lượng 30Kg. Các bị cáo Phạm T và Nguyễn Văn Th chưa bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của các bị cáo đúng như nội dung trên, và không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo Phạm T và Nguyễn Văn Th tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở xác định:

Do có ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác nên khoảng 00 giờ 30 phút ngày 28/10/2021, tại nhà ông Võ Ngọc A, địa chỉ: 61/17 đường L, phường E, thành phố B, Phạm T và Nguyễn Văn Th đã trộm cắp của ông Võ Ngọc A: 03 Kg cau tươi, trị giá: 210.000 đồng. Ngày 23/8/2021, tại nhà ông Bùi Văn Ng, địa chỉ: Thôn C, xã E, thành phố B, Phạm T và Nguyễn Văn Th đã trộm cắp của ông Bùi Văn Ng: 07 buồng cau, trọng lượng 30 Kg, trị giá: 2.400.000 đồng. Tổng trị giá tài sản các bị cáo Phạm T và Nguyễn Văn Th đã trộm cắp tài sản của ông Võ Ngọc A và ông Bùi Văn Ng là: 2.610.000 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố các bị cáo Phạm T và Nguyễn Văn Th về tội: "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

[3] Xét thấy, các bị cáo là công dân có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống, các bị cáo biết rằng tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều sẽ bị pháp luật trừng trị. Song do tham lam tư lợi nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó đối với hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4]. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm T và Nguyễn Văn Th, phạm tội 02 lần trở lên, ngoài ra ngày 07/7/2020, các bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xử phạt mỗi bị cáo 01 năm 03 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án số 190/2020/HSST. Ngày 27/5/2021 bị cáo Th chấp hành xong hình phạt tù, và ngày 09/5/2021 bị cáo T chấp hành xong hình phạt tù. Các bị cáo chưa được xóa án tích nên phạm tội thuộc trường hợp Tái phạm, là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Sau khi phạm tội bị cáo Phạm T và bị cáo Nguyễn Văn Th đã thành khẩn khai báo; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; các bị cáo đã tự thú khai nhận hành vi phạm tội đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[5] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, Điều 47 Bộ Luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Quá trình điều tra xác định: 01 Buồng cau, trọng lượng 03Kg, là tài sản của ông Võ Ngọc A. Ngày 15/01/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho ông Võ Ngọc A là phù hợp cần chấp nhận.

- Đối với 01 con dao Thái Lan, kích thước (23 x 02)cm, là công cụ Phạm T sử dụng phạm tội, không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp cần chấp nhận.

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen, biển số: 47B1 – 96822, số máy: JA36E0501719, số khung: RLHJA3652GY027590. Vào tháng 11/2019, thông qua mạng xã hội Facebook, anh Mai Xuân B mua lại chiếc xe mô tô 47B1 – 96822 từ 01 người (Chưa xác định lai lịch) tại huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vào ngày 27/10/2021, anh B nhờ Mai Thế A (anh ruột) đem cầm cố cho Phạm T, với số tiền 2.700.000 đồng. T sử dụng chiếc xe mô tô 47B1 – 96822

để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì bị phát hiện. Quá trình điều tra xác định:

+ Biển số 47B1 – 96822 là của xe mô tô hiệu Yamha Exciter, màu sơn trắng đỏ, số máy: G3D4E190224, số khung: RLCUG0610FY177350 do anh Nguyễn Quang H, sinh năm: 1996, trú tại: 83B đường S, tổ dân phố 9, phường E, thành phố B, đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Vào cuối năm 2016, anh H làm rơi mất biển số 47B1 – 96822 trong quá trình lưu thông trên đường. Sau đó, anh H đã làm thủ tục cấp lại biển số 47B1 – 96822 và gắn trên xe mô tô của anh H để sử dụng. Do vậy biển số 47B1 – 96822 không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

+ 01 chiếc xe mô tô xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen, số máy: JA36E0501719, số khung: RLHJA3652GY027590 là do anh Niê Y C, sinh năm: 1989, trú tại: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Chiếc xe trên có biển số 47K1 – 23673. Quá trình làm việc, anh Niê Y C khai tháng 02/2018, anh Y C điều khiển chiếc xe mô tô 47K1 – 23673 đến rẫy tại Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì bị mất trộm. Cơ quan điều tra đã có Công văn đề nghị phối hợp xác minh đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk nhưng đến nay chưa có kết quả phúc đáp nên Cơ quan điều tra tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh xử lý sau là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 47B2 – 20343, số máy: E3X9E141470, số khung: 3240HY055267, quá trình điều tra xác định, là tài sản của anh Phạm Anh D (Là anh rể của Nguyễn Văn Th). Ngày 15/01/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh Phạm Anh D nhận quản lý, sử dụng là phù hợp cần chấp nhận.

Về dân sự: Đối với số tiền 2.700.000 đồng anh Mai Xuân B tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra để bồi thường cho Phạm T (số tiền Phạm T nhận cầm cố chiếc xe mô tô 47B1-96822). Do vậy cần trả cho bị cáo Phạm T là phù hợp.

Ông Bùi Văn Ng yêu cầu các bị cáo Phạm T và Nguyễn Văn Th bồi thường số tiền 2.400.000 đồng, trị giá 07 buồng cau, trọng lượng 30Kg. Các bị cáo chưa bồi thường thiệt hại nên cần buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền trên cho ông Ng là phù hợp.

[6] Các vấn đề khác: Đối với 01 buồng cau các bị cáo Phạm T và Nguyễn Văn Th trộm cắp của ông Võ Ngọc A. Ông Võ Ngọc A và các bị cáo Phạm T, Nguyễn Văn Th đều không nhớ rõ đặc điểm của buồng cau nêu trên và ông Võ Ngọc A không yêu cầu bồi thường. Đồng thời, Cơ quan điều tra không thu hồi được vật chứng nên không có đủ căn cứ để xác định trị giá tài sản nên không đề cập xử lý, là phù hợp.

Đối với chiếc xe 47B2 – 20343 chủ sở hữu là của anh Phạm Anh D, cho bị cáo Nguyễn Văn Th mượn đi, sau đó bị cáo Th làm phương tiện phạm tội anh D

không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Hồng Q là người đã mua 07 buồng cau, trọng lượng 30Kg từ các bị cáo Phạm T và Nguyễn Văn Th trộm cắp mà có nhưng anh Q không biết là tài sản do T và Th trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải chịu 300.000đ án phí DSST theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm h, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Phạm T và Nguyễn Văn Th phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Phạm T: 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2021.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Th: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2021.

[2] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, Điều 47 Bộ Luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 con dao Thái Lan, kích thước (23 x 02)cm, là công cụ Phạm T sử dụng phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy biển số xe 47B1 – 96822.

- Trả lại bị cáo Phạm T số tiền 2.700.000đ.

(Vật chứng có đặc điểm và số lượng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/02/2022 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã ra quyết định xử lý vật chứng và đã trả lại chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 47B2 – 20343, số máy: E3X9E141470, số khung: 3240HY055267, là tài sản của anh Phạm Anh D là chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng; và trả lại 01 buồng cau cho ông Võ Ngọc A.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Phạm T và Nguyễn Văn Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải chịu 300.000đ án phí DSST .

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh,VKSND TP. BMT;
- TAND tỉnh;
- Công an TP. BMT;
- CCTHADS TP, THA phạt tù (để thi hành);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Chánh án ;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt